

Bản án số: 478/2022/HS-PT
Ngày: 30/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Hiếu

Thẩm phán: Ông Phạm Năng Thành

Thẩm phán: Ông Phan Huy Cương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Minh Chính – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Kiểm Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2022/TLPT-HS ngày 14 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử phúc thẩm số 262/2022/QĐXXPT-HS ngày 25/4/2022 do có kháng cáo của bị cáo Lê Ngọc N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 153/2021/HS-ST ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

- Bị cáo có kháng cáo: Lê Ngọc N, sinh năm 1980. Nơi đăng ký thường trú: Khối X, xã PL, huyện SS, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Xuân T sinh năm 1952 và bà Lê Thị T sinh năm 1958; Có vợ là Hồ Thị Thu P sinh năm 1987 và 02 con, con lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Trong vụ án còn có 02 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

- Người bào chữa: Luật sư Phạm Văn P; Luật sư Hoàng Phương T – Công ty luật TNHH Vietthink – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Người bị hại:

1. Ông Đường Tiến B, sinh năm: 1939, HKTT: Khối X, xã PL, huyện SS, thành phố Hà Nội; Có mặt.

2. Ông Đường Ngọc D, sinh năm: 1936, HKTT: Khối X, xã PL, huyện SS, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

3. Ông Trần Văn H, sinh năm: 1960, HKTT: Khối X, xã PL, huyện SS, thành phố Hà Nội; Có mặt.

4. Bà Trần Thị D, sinh năm: 1968, HKTT: Khối X, xã PL, huyện SS, thành phố Hà Nội; Có mặt.

5. Ông Trần Văn T, sinh năm: 1972, HKTT: Khối X, xã PL, huyện SS, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

6. Ông Đường Văn Q, sinh năm: 1956, HKTT: Khối X, xã PL, huyện SS, thành phố Hà Nội; Có mặt.

7. Ông Lê Văn T, sinh năm: 1959, HKTT: Khối X, xã PL, huyện SS, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

8. Ông Đường Văn N, sinh năm: 1954, HKTT: Khối X, xã PL, huyện SS, thành phố Hà Nội; Có mặt.

9. Bà Lê Thị N, sinh năm 1959, HKTT: Khối X, xã PL, huyện SS, thành phố Hà Nội; Có mặt.

10. Ông Trần Văn T, sinh năm: 1966, HKTT: Khối X, xã PL, huyện SS, thành phố Hà Nội; Có mặt.

11. Ông Trần Văn Q, sinh năm: 1953, HKTT: Khối X, xã PL, huyện SS, thành phố Hà Nội; Có mặt.

12. Bà Trần Thị L, sinh năm: 1958, HKTT: Khối X, xã PL, huyện SS, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

13. Ông Đường Tiến B, sinh năm: 1939, HKTT: HKTT: Khối X, xã PL, huyện SS, thành phố Hà Nội; Vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của ông Đường Tiến B là ông Đường Trung K, sinh năm 1961. HKTT: HKTT: Khối X, xã PL, huyện SS, thành phố Hà Nội; Có mặt.

14. Bà Ngô Thị N, sinh năm 1932 (chết ngày 17/11/2020). Người đại diện theo pháp luật cho bà Ngô Thị N là Ông Trần Văn H, sinh năm 1960. HKTT: Khối X, xã PL, huyện SS, thành phố Hà Nội;; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/10/2020, nhân dân thôn LL (nay là khối X, xã PL, huyện SS, thành phố Hà Nội;) tổ chức Hội nghị bầu trưởng thôn nhiệm kỳ 2020 – 2023, danh sách bầu trưởng thôn gồm có ông Trần Quang S và ông Lê Xuân T

(nguyên trưởng thôn). Quá trình bầu trưởng thôn, một số người dân phát biểu những vấn đề còn tồn tại của nhiệm kỳ trước, ông Trần Văn H phát biểu ý kiến nên bầu cho người có trình độ văn hóa. Kết quả bầu cử lần này ông S và ông T có số phiếu bầu bằng nhau. Vì vậy, lãnh đạo thôn quyết định bầu cử lần 2 vào ngày 07/11/2020. Lê Ngọc N (là con trai ông Lê Xuân T) thấy những ý kiến đóng góp trong hội nghị có thể gây bất lợi cho ông T trong quá trình bầu trưởng thôn nên N đã chuẩn bị các tờ truyền đơn nội dung “vu khống nhiều người có hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật, xúc phạm nghiêm trọng danh dự nhân phẩm nhằm mục đích hạ uy tín của họ”. Nội dung truyền đơn là do N bịa đặt không đúng sự thật, N viết trước ra tờ giấy rồi đến 01 cửa hàng photocopy ở huyện HH, tỉnh Bắc Giang thuê đánh máy và in thành 50 tờ truyền đơn rồi đem về nhà cất giấu. Sáng ngày 06/11/2020, N rủ Nguyễn Quý Q đi ăn sáng và nhờ Q đến trưa cùng ngày thì đi rải truyền đơn giúp. Q có hỏi nội dung truyền đơn thì được N cho biết là nói xấu người dân thôn LL do không bầu cử cho bố của N thì Q đồng ý, N nhắc Q là khi đi thì nhớ đeo khẩu trang vào. Khoảng hơn 12 giờ, ngày 06/11/2020, Q đang ở quán bia thì nhận được điện thoại của N hỏi xem Q đã chuẩn bị đi rải truyền đơn chưa thì Q bảo N đợi. Q rủ Đinh Văn B cùng đi rải truyền đơn, B đồng ý. Q điều khiển xe máy không gắn BKS chở B đến nhà N. Tại sân trước cửa nhà N, N có đưa cho Q 01 túi nilon màu đỏ, bên trong có 50 tờ truyền đơn. N bảo Q rải truyền đơn từ đầu đường quốc lộ 2 của thôn TĐ đến xóm M. N ở nhà, Q và B đi rải truyền đơn. Q đưa cho B túi nilon đựng truyền đơn và bảo B khi nào Q nói vứt truyền đơn thì vứt ra đường. B cầm túi truyền đơn ngồi phía sau, có cầm lên xem nên biết nội dung nói xấu người dân thôn LL nhưng B không biết những người đó là ai. Sau khi rải truyền đơn xong, Q và B đi về, Nam có gọi điện cho Q và được Q thông báo đã rải xong truyền đơn.

Ngày 07/11/2020, thôn LL tiến hành bầu cử Trưởng thôn lần 2 nhiệm kỳ 2020-2023, kết quả bỏ phiếu thì ông Lê Xuân T trúng cử. Tuy nhiên UBND xã PL đã có thông báo không công nhận kết quả bầu Trưởng thôn theo Điều 17, Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND thành phố Hà Nội về tiêu chuẩn Trưởng thôn.

Nội dung truyền đơn được đánh máy thành 2 bản với 2 khổ giấy (1/2 tờ A4 và 1/3 tờ A4), như sau:

“LỜI KÊU GỌI

Nhân dân thôn LL chúng ta đấu tranh với 5 thằng lợi ích nhóm và bày mõ nhà CQ.

1. Thằng cu B con không bảo được. Vợ cũng không cháu nghiên, mà giúp gì cho làng mà còn ra oai, đến máu gái đẻ trong làng mà cũng liêm, con trai mà thì gọi mà là con chó già thì dân làng gọi mà là có linh cầu, nhận

được tin này thì mày đâm đầu vào ô tô mà chết đi.

2. Thằng cu D, vợ mày có cái (L...) duy nhất nó để cho mày mà dùng thế mà không giữ được để cho thằng nào nó đeo để ra thằng cu D. Mà mày vẫn phải nuôi, không biết xấu hổ.

3. Thằng cu N ở bộ đội thì tham những xít bị đi bóc lột, về nhà vô ngực là đại tá. Tranh cả chức chi hội trưởng người cao tuổi với cụ T và ban công tác mặt trận với anh vợ và em dâu. Không biết xấu hổ.

4. Thằng cu Q công tác ở huyện Mê Linh thì tham những, để họ thông báo về xã và huyện. Về nhà (Đ...) Ngân Tụ để con bắt được loại bất nhân. Định chiếm vợ người khác và làm gia đình họ tan vỡ.

5. Thằng cu T Đảng bộ xã PL bầu làm bí thư, không làm được làm đơn xin nghỉ nhân dân chúng ta hoan nghênh tinh và việc làm đã không làm ảnh hưởng đến uy tín của làng.

6. Con giống mõ nhà C, Q, dân làng không biết nhà nó ở đâu, chỉ biết ăn mày ở chợ K, cụ T mang về nuôi và lấy họ Trần làm họ, thế mà gia đình cụ T nó còn chửi thì dân làng nó coi ra cái gì. Hở chỗ đất nào của làng nó cũng chiếm từ cổng làng đến đường Phù để lấy chỗ chon gia đình nhà nó, vậy họ Trần đuổi cổ gia đình nhà nó ra khỏi họ không ảnh hưởng đến họ vì cụ tổ họ Trần chỉ sinh ra 3 người con chứ không sinh ra lũ mõ đâu.

Tốt nhất N, C, Q, H, L, T, T, D, T bỏ làng rủ nhau lên trại hủi, mõ mà ở. Trên đây còn nhiều đất, chiếm lấy miếng mà trôn nhau. Khi trôn thì đổ vôi vào đùng để lây sang dân ở trên đó, họ tổng cổ đi thì biết đi đâu, ở đâu.

N ơi, nhớ dặn con mày, còn dân làng không ai đến đâu, hót lây.

Sau khi nhận được tin này thì đi ngay, chứ đừng đi đến đến đâu đừng để dân làng còn quét ngõ. Còn nhiều đất lên mà cướp ”.

“LỜI KÊU GỌI

Dòng họ Trần, Lê và Nhân Dân LL vô cùng xấu hổ vì thái độ kinh động của con cháu nhà bà N. Họ coi dân làng không ra gì, bắt mọi người theo gia đình mình. Chúng chửi mắng bất kỳ ai, kể cả cán bộ lãnh đạo thôn.

Nhân dân LL hãy cấm vận gia đình họ: Không mua bán, ốm đau không thăm hỏi, chết không phúng viếng và tiền đưa.

Mục đích để gia đình họ hòa nhập và đoàn kết với nhân dân trong thôn. Cảnh báo những ai coi thường tập thể đều nhận được kết cục như vậy! ”

Quá trình điều tra làm rõ những người bị nêu tên trong tờ truyền đơn gồm: (1) Ông Đường Tiến B, sinh năm 1939; (2) ông Đường Ngọc D, sinh năm 1936; (3) ông Trần Văn T, sinh năm 1972; (4) ông Trần Văn T, sinh năm

1966; (5) bà Trần Thị D, sinh năm 1968; (6) ông Trần Văn H, sinh năm 1960; (7) ông Trần Văn Q, sinh năm 1953; (8) ông Lê Văn T, sinh năm 1959; (9) ông Đường Văn N 1954; (10) ông Đường Văn Q, sinh năm 1956; (11) ông Trần Văn C, sinh năm 1924 (đã chết năm 2004); (12) ông Trần Văn T, sinh năm 1964; (13) bà Ngô Thị N, sinh năm 1932 (đã chết ngày 17/11/2020); (14) bà Lê Thị N, sinh năm 1959; Điều trú tại khối X, xã PL, huyện SS, Hà Nội; và (15) bà Trần Thị L, sinh năm 1958, trú tại khối xx, xã PL, huyện SS, Hà Nội.

Đối với ông Trần Văn T là con của ông C, bà N được nhắc đến trong tờ rơi. Quá trình điều tra xác định ông T và vợ con đã sang làm ăn tại Cộng hòa Séc từ đầu năm 2019. Do tại thời điểm xảy ra sự việc, ông T không có mặt tại địa phương, chính quyền địa phương cũng như anh em gia đình ông T không ai biết được địa chỉ cụ thể của ông T nên cơ quan điều tra không tiến hành xác minh làm rõ được về phía ông T.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 153/2021/HS-ST ngày 28/10/2021 Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội căn cứ điểm c khoản 2 Điều 156; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lê Ngọc N 21 (Hai mươi một) tháng tù về tội “Vu khống”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 09/11/2021, bị cáo Lê Ngọc N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị cáo có đơn kháng cáo là hợp lệ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các Điều 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo về hình thức.

Về nội dung: Bị cáo công nhận về tội danh Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội, không oan, chỉ kháng cáo xin hưởng án treo và xin giảm nhẹ hình phạt. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo. Tại phiên toà, bị cáo xuất trình các Biên lai về việc đã nộp nốt số tiền bồi thường 14.585.000 đồng, tiền án phí hình sự 200.000 đồng và án phí dân sự 729.250 đồng. Đây là tình tiết mới, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 156; điểm b, i, s

khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Ngọc N từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Vu khống”.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Trong vụ án này còn có 02 bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị. Bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Nguyễn Quý Q 14 (Mười bốn) tháng tù và bị cáo Đinh Văn B 21 (Hai mươi mốt) tháng tù. Đánh giá vai trò của bị cáo Đinh Văn B cũng chỉ là đồng phạm giản đơn, có vai trò giúp sức và vai trò thấp hơn bị cáo Lê Ngọc N nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo Đinh Văn B, xử phạt bị cáo từ 18 (Mười tám) tháng đến 20 (Hai mươi) tháng tù.

- Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội và công nhận về tội danh, điều luật mà Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo với lý do: Bị cáo do nhận thức hạn chế, vì mục đích muốn bố trí con nể nên đã có hành vi vi phạm pháp luật, đến nay bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; đã nộp án phí hình sự và án phí dân sự của bản án sơ thẩm. Bị cáo nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo để chăm sóc gia đình.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Đồng ý với bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng. Nhưng đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được giảm hình phạt và hưởng án treo vì các lý do: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã bồi thường khắc phục hậu quả, tại phiên toà bị cáo xuất trình chứng cứ mới về việc đã tự nguyện nộp nốt số tiền bồi thường khắc phục hậu quả, tiền án phí hình và án phí dân sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, hành vi phạm tội của bị cáo có ảnh hưởng trong phạm vi thôn xóm, tác động không lớn nên việc cho bị cáo hưởng án treo không ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương.

- Người bị hại gồm các ông Đường Trung K, ông Đường Văn N, ông Đường Văn Q, ông Trần Văn H, ông Trần Văn T trình bày: Nhất trí với bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Ông Đường Trung K trình bày: hành vi vu khống của bị cáo đã xúc phạm đến nhiều người, trong đó nhiều bị hại là người già, là đảng viên. Các bị cáo phạm tội có tổ chức vì có sự bàn bạc phân công nhau. Đề nghị xử lý nghiêm đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án, các Cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; không ai có ý kiến khiếu nại. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định các bị cáo Lê Ngọc N có kháng cáo là hợp lệ, được chấp nhận về hình thức.

[2] Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, công nhận bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Đối chiếu lời khai của bị cáo với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ngày 06/11/2020 tại Khố X, xã PL, huyện SS, thành phố Hà Nội, Lê Ngọc N, Nguyễn Quý Q và Đinh Văn B đã có hành vi rải tờ rơi với nội dung bịa đặt, loan truyền những thông tin sai trái, không đúng sự thật, vu khống các ông Trần Văn H, bà Trần Thị D, bà Trần Thị L, ông Trần Văn T, ông Trần Văn Q, ông Trần Văn T, ông Đường Văn Q, ông Lê Văn T, bà Lê Thị N, ông Đường Văn N, ông Đường Tiến B, ông Đường Ngọc D, bà Ngô Thị N có những hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật nhằm hạ uy tín, xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của những người này.

Bản án sơ thẩm đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 156; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc N phạm tội “Vu khống”. Xử phạt bị cáo Lê Ngọc N 21 (Hai mươi một) tháng tù là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Lê Ngọc N và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giảm hình phạt cho bị cáo Đinh Văn B, Hội đồng xét xử nhận định: Hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo Đinh Văn B không quen biết, không có mâu thuẫn gì với các bị hại nhưng tích cực tiếp nhận ý chí phạm tội. Hành vi của bị cáo mặc dù chỉ đi rải truyền đơn, nhưng đánh giá ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo rất kém. Bị cáo có nhân thân xấu và có nhiều tình tiết tăng nặng. Bị cáo Đinh Văn B đang trong thời gian thử thách 24 tháng tù nhưng được hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng” và chưa chấp hành xong 02 Quyết định xử lý hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác” lẽ ra bị cáo cần phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật. Bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Với 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm h, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, Hội

đồng xét xử nhận định không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đinh Văn B như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo Nguyễn Quý Q có 01 tiền án năm 2015 và 01 tiền sự năm 2019 đều đã được xoá, nhưng trước khi phạm tội ở vụ án này thì ngày 22/12/2020, Q bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sóc Sơn khởi tố về tội “Gây rối trật tự công cộng” tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự hiện vẫn trong giai đoạn điều tra.

Đối với bị cáo Lê Ngọc N: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Ngọc N đã thành khẩn khai báo và thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cho những người bị hại nên bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Ngọc N đã xuất trình thêm các tài liệu chứng cứ mới về việc: Sau khi xét xử sơ thẩm, Bị cáo đã tự nguyện nộp nốt số tiền 14.585.000 đồng bồi thường cho các bị hại; Đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự và 729.250 đồng án phí dân sự theo quyết định của Bản án cấp sơ thẩm. Đây là các tình tiết mới và là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tại phiên tòa bị cáo xuất trình thêm các chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo. Cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Ngọc N, sửa quyết định của Bản án sơ thẩm số 153/2021/HS-ST ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội về hình phạt đối với bị cáo Lê Ngọc N, cụ thể:

Tuyên bố bị cáo **Lê Ngọc N** phạm tội “Vu khống”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 156; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Ngọc N 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Ngọc N không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- TT Lý lịch tư pháp QG;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- CQ THAHS TP Hà Nội;
- CQCSĐT huyện Sóc Sơn;
- VKSND huyện Sóc Sơn;
- TAND huyện Sóc Sơn;
- CQTHADS huyện Sóc Sơn;
- CQ THAHS huyện Sóc Sơn;
- Bị cáo kháng cáo;
- Lưu Hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Hiếu